

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Ngày 30/09/2025	35,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	16.2%	13.2%	-4.1%

DT thuần Q3/25
39.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.10 5.6%
YoY: ▼0.40 -1.1%

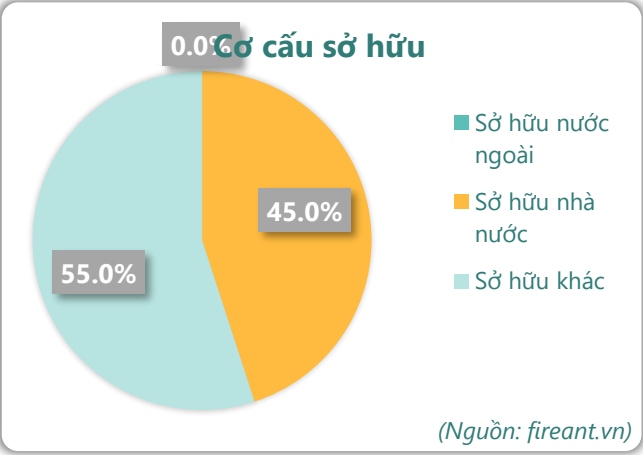
LN thuần Q3/25
23.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼37.9 -62.1%
YoY: ▲ 8.80 61.5%

LN sau thuế Q3/25
20.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼37.9 -64.7%
YoY: ▲ 8.40 68.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
59.1%
YoY: +/- ▼ 106%

ROE (TTM) Q3/25
11.5%
YoY: +/- ▲ 0.8%

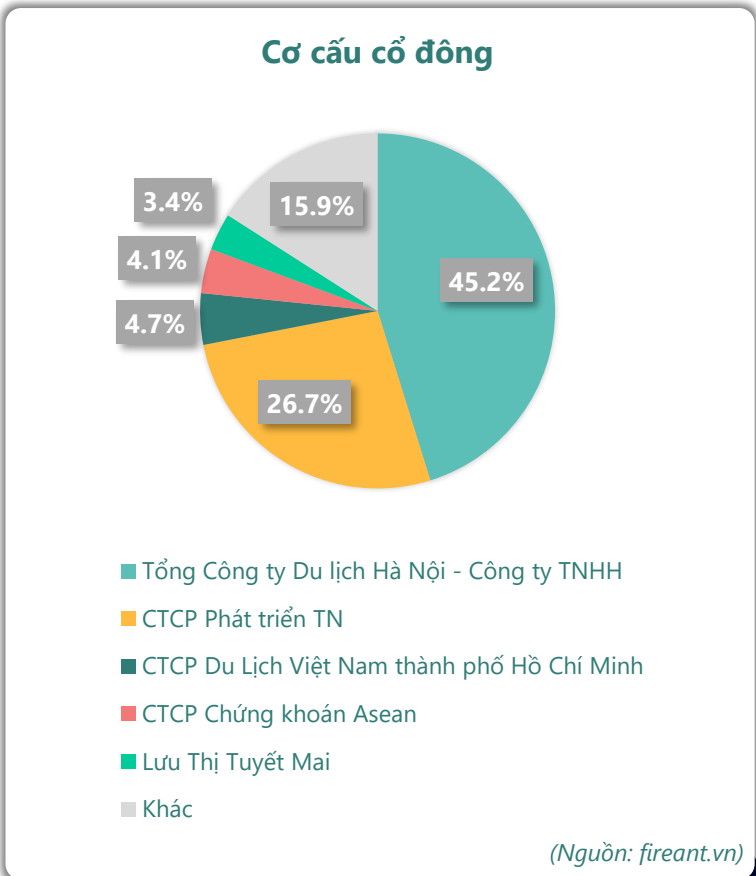
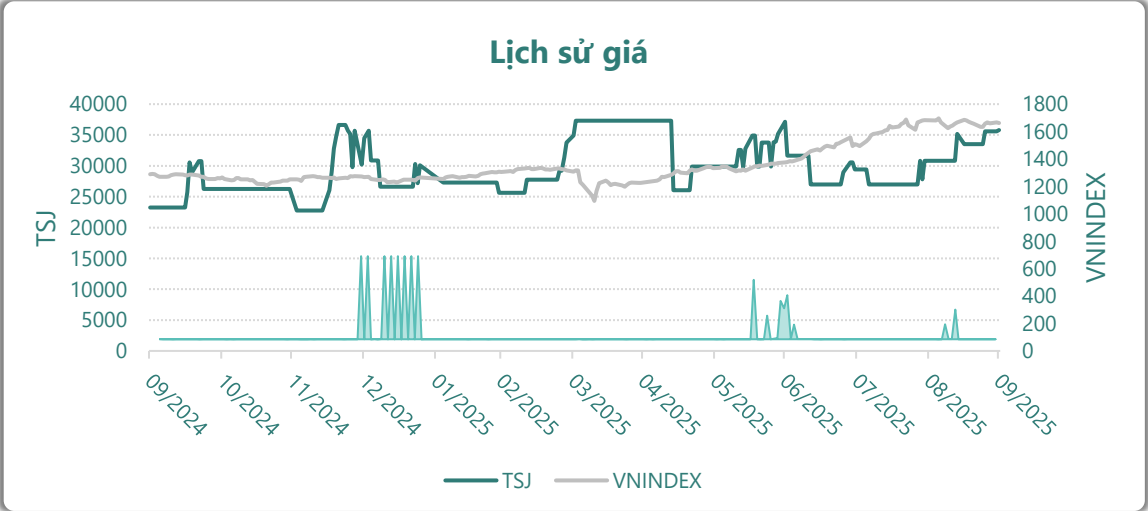
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	22,757 - 37,318
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,678
Số lượng CPLH (CP)	74,797,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)	330
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.05
EPS	1,315
P/E	27.2



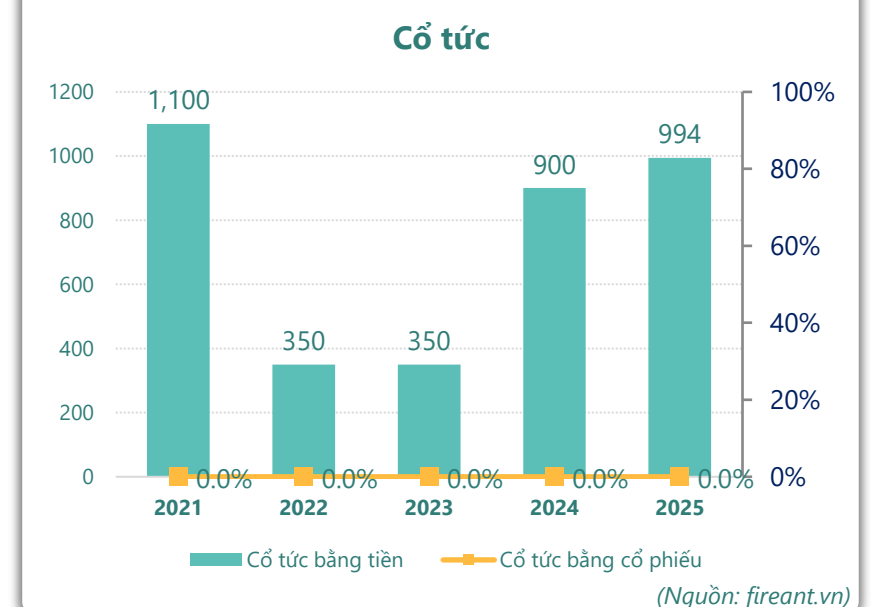
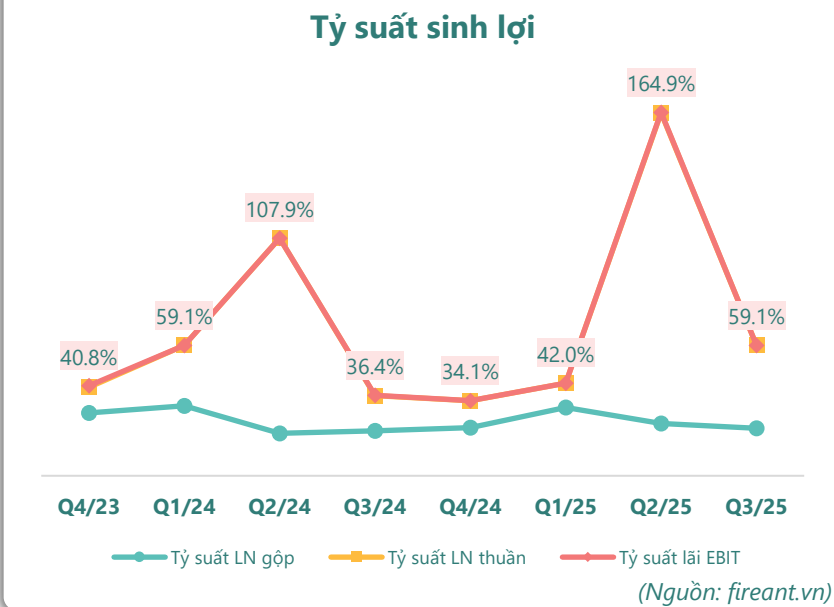
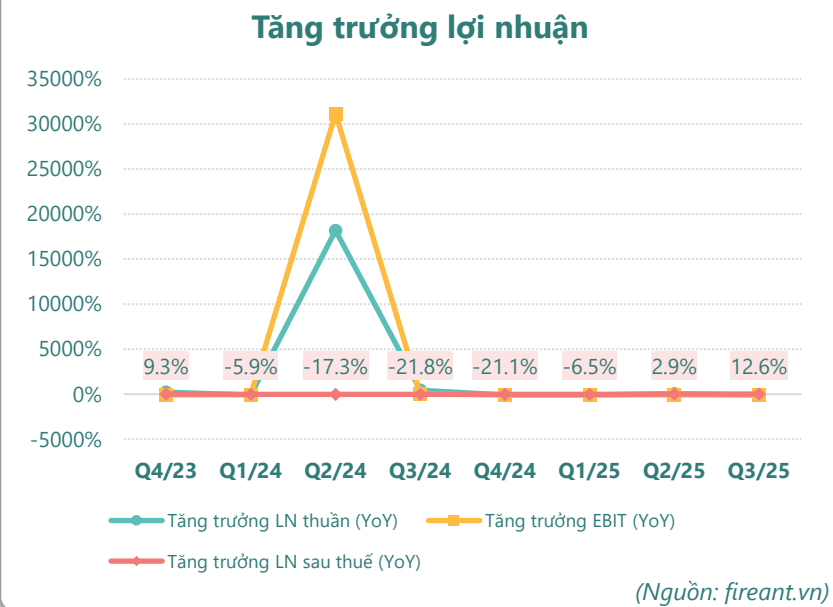
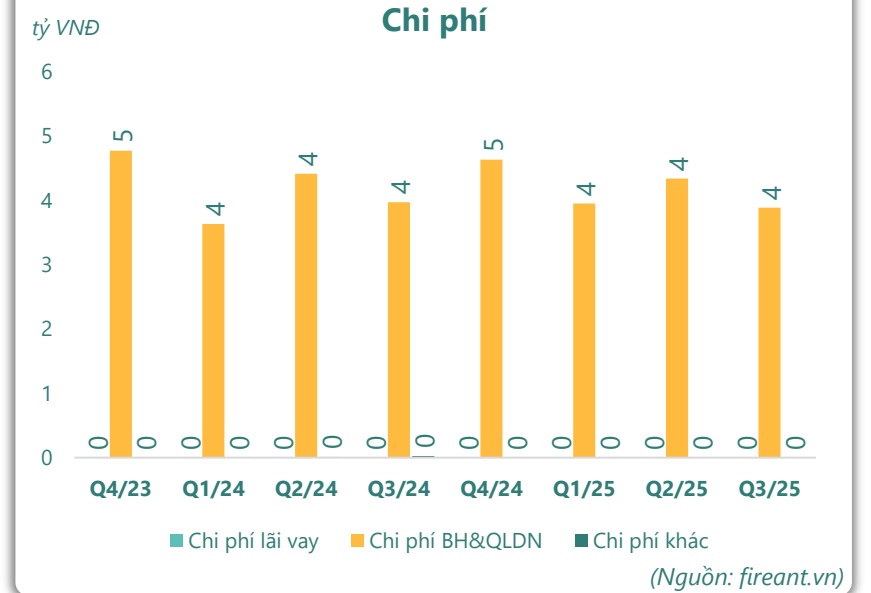
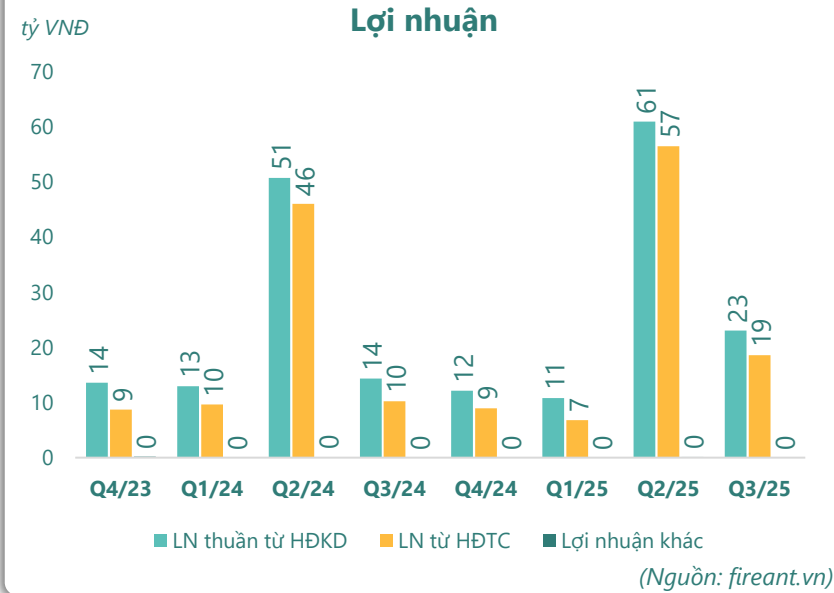
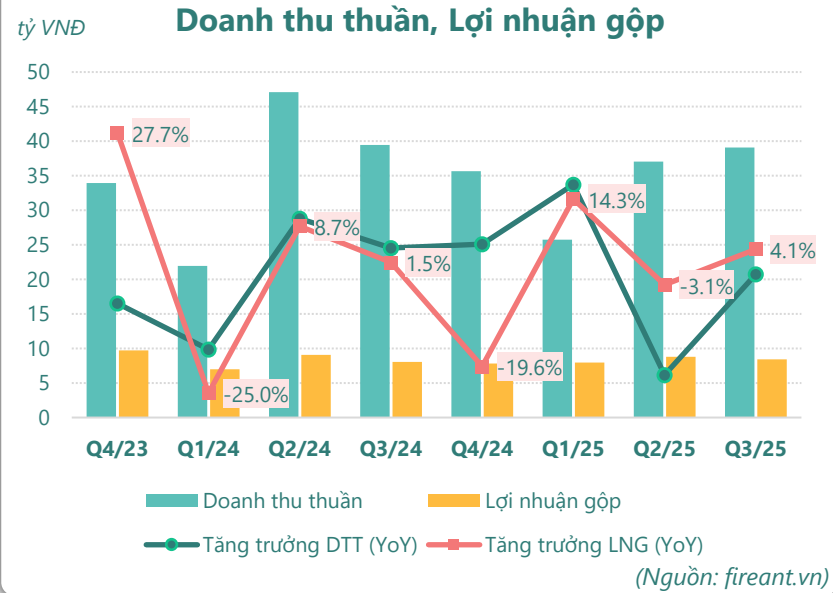
DT thuần 9T 2025
102
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.00 -6.2%

LN thuần 9T 2025
94.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.8 21.5%

LN sau thuế 9T 2025
88.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.6 23.3%



KẾT QUẢ KINH DOANH



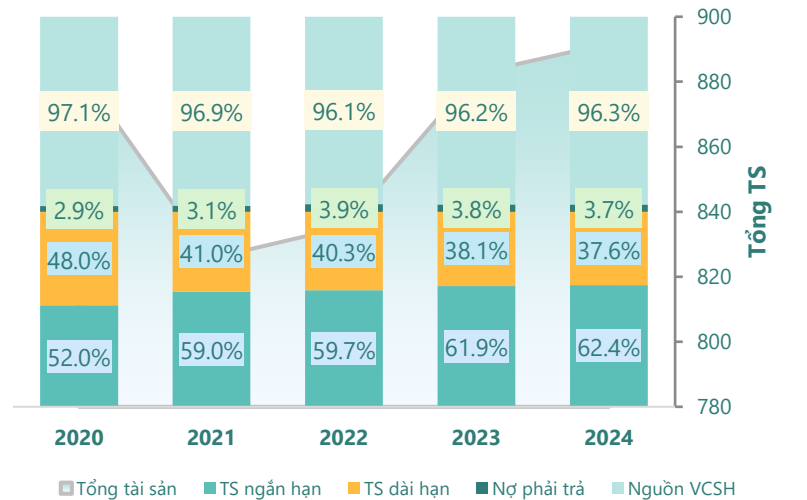


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

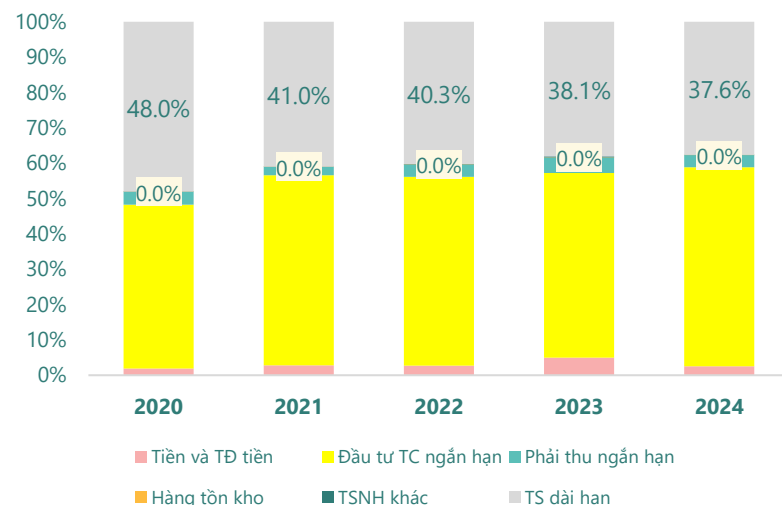
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

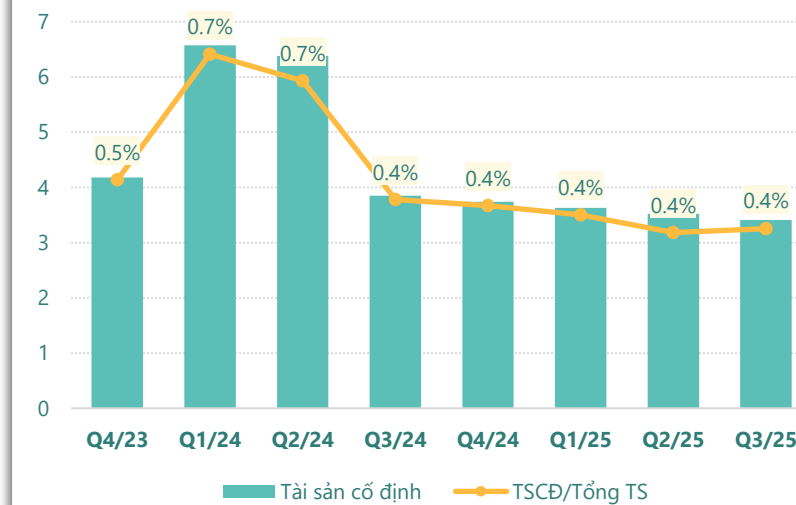
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

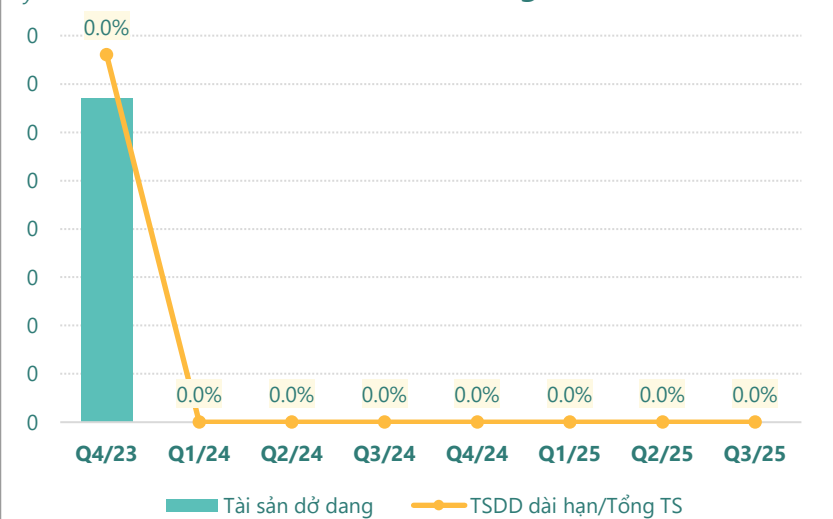
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

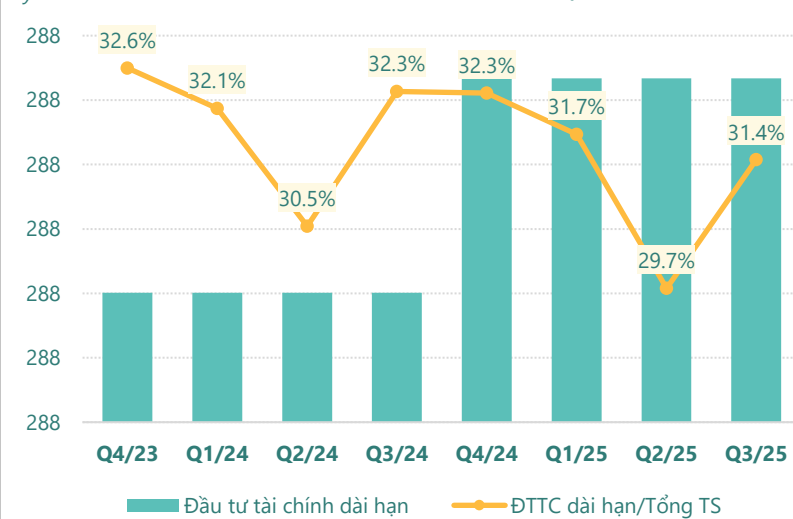
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

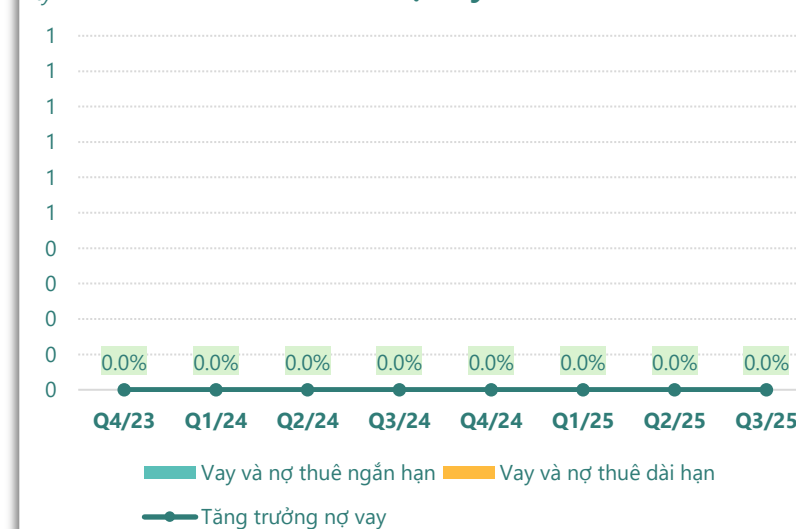
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

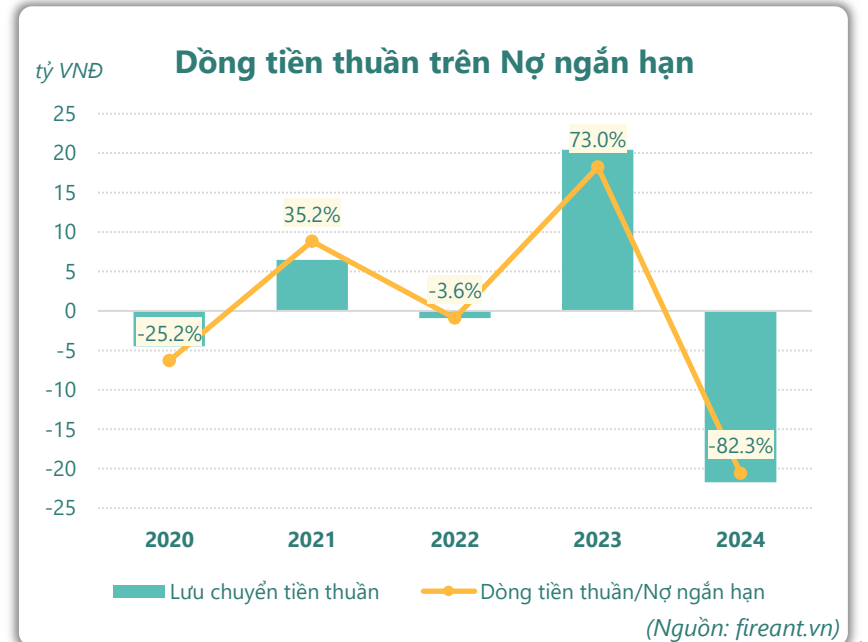
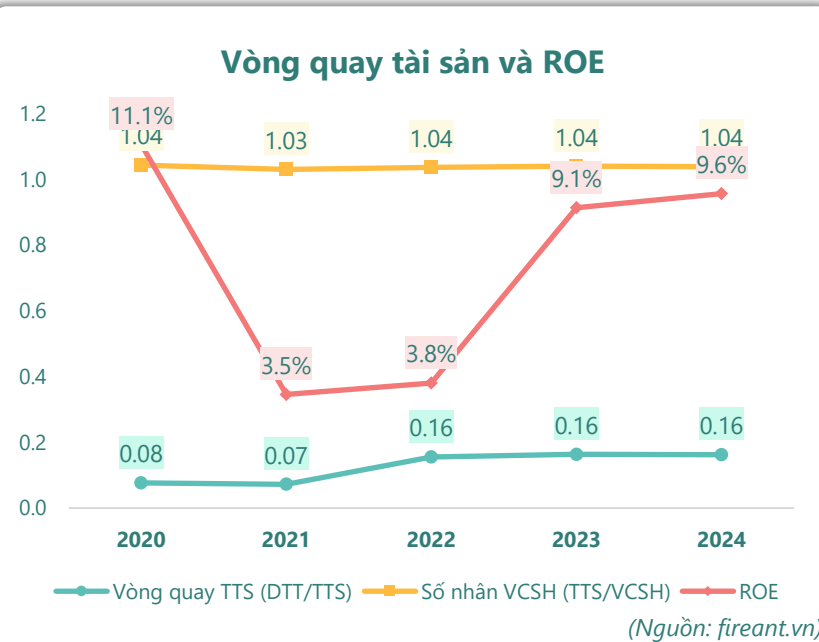
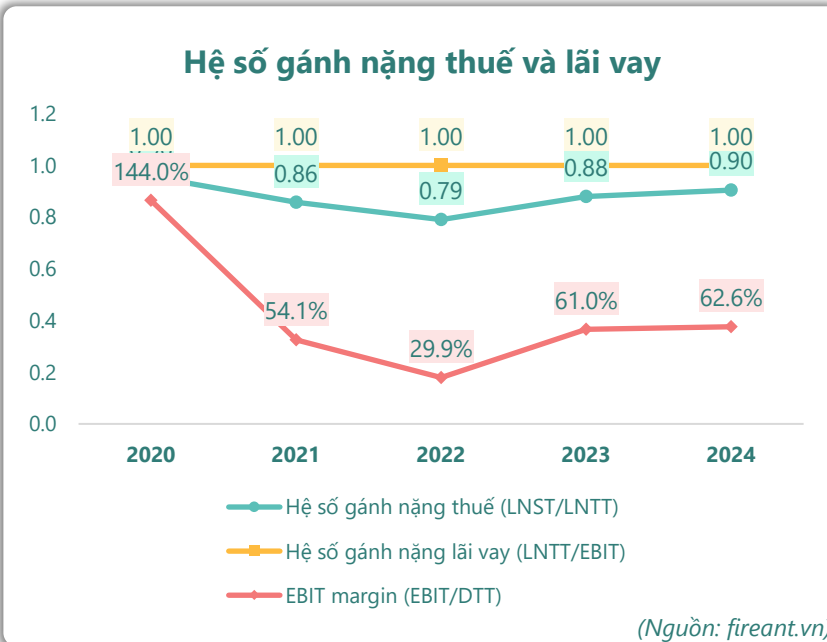
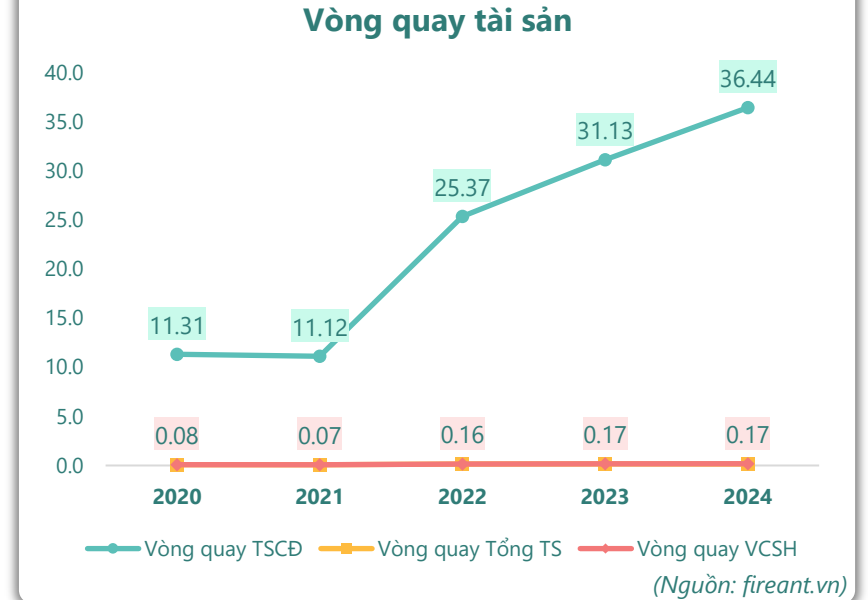
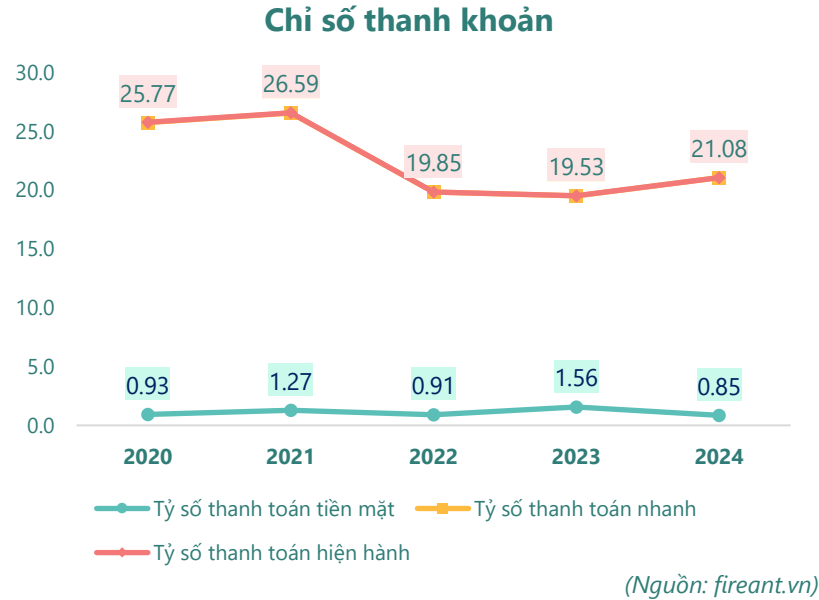
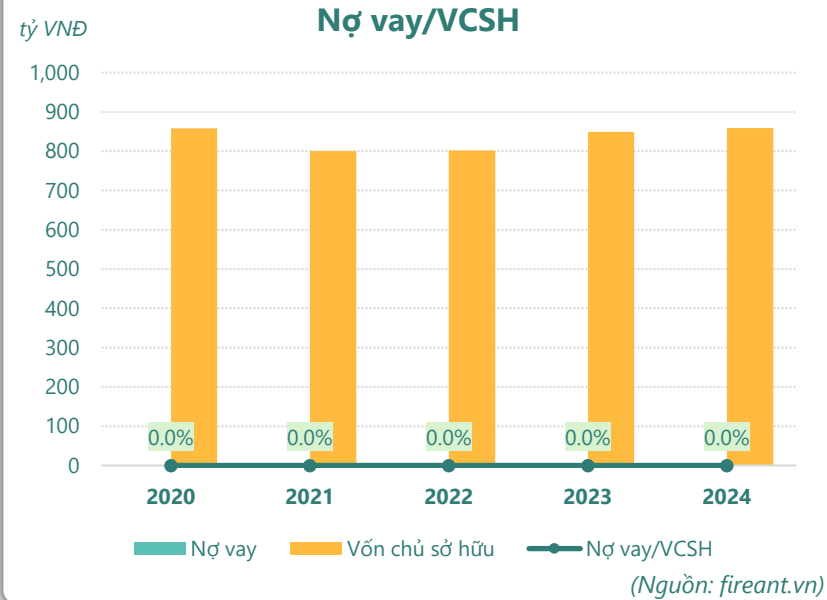
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	39.1	39.5	-1.1%	102	109	-6.2%
Giá vốn hàng bán	30.7	31.4	-2.3%	76.7	84.4	-9.1%
Lợi nhuận gộp	8.40	8.07	4.1%	25.2	24.1	4.3%
Doanh thu HĐTC	18.6	13.2	40.8%	81.9	68.9	18.8%
Chi phí TC	0	2.94	-100%	0.00	2.94	-100.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.60	1.75	-8.4%	4.98	5.19	-3.9%
Chi phí QLDN	2.29	2.23	2.5%	7.21	6.84	5.3%
LN thuần từ HĐKD	23.1	14.3	61.5%	94.9	78.1	21.5%
Lợi nhuận khác	0.00	0.04	-99.0%	0.11	0.10	16.0%
LN trước thuế	23.1	14.4	60.4%	95.0	78.2	21.5%
Lợi nhuận sau thuế	20.7	12.3	68.3%	88.1	71.5	23.3%
LNST của CĐ cty mẹ	20.7	12.3	68.3%	88.1	71.5	23.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.32	5.42	-5.47	5.26	3.15	6.63
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	60.5	4.79	-5.21	-4.52	25.7	28.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	-67.0	-0.36	0.01	-0.01	-74.3
Tiền đầu kỳ	23.2	90.3	33.2	22.5	23.3	52.3
Lưu chuyển tiền thuần	66.8	-56.8	-11.0	0.75	28.8	-39.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.26	-0.33	0.29	0.05	0.15	0.07
Tiền cuối kỳ	90.3	33.2	22.5	23.3	52.3	13.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	916	892	2.7%
Tài sản ngắn hạn	583	556	4.9%
Tiền và tương đương tiền	13.0	22.5	-42.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	535	502	6.4%
Phải thu ngắn hạn	32.7	30.6	6.9%
Hàng tồn kho	0.46	0.36	30.5%
Tài sản ngắn hạn khác	2.57	0.49	422%
Tài sản dài hạn	333	336	-0.8%
Phải thu dài hạn	1.50	1.50	0.0%
Tài sản cố định	3.41	3.74	-8.8%
Bất động sản đầu tư	37.9	39.9	-5.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	288	288	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.40	2.77	-13.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	48.5	32.9	47.4%
Nợ ngắn hạn	39.1	26.4	48.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.13	0.34	520%
Nợ dài hạn	9.36	6.50	44.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	868	859	1.0%
Vốn chủ sở hữu	868	859	1.0%
Vốn điều lệ	748	748	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

